

THỐNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC - HẠNH KIỂM
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2022 - 2023

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học Lực														Hạnh Kiểm											
				Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Chưa đánh giá		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Chưa đánh giá	
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Toàn trường			138	26	18.84	52	37.68	53	38.41	7	5.07	0	0	131	94.93	0	0	122	88.41	16	11.59	0	0	0	0	138	100	0	0
1	Khối 8		71	14	19.72	30	42.25	24	33.8	3	4.23	0	0	68	95.77	0	0	68	95.77	3	4.23	0	0	0	0	71	100	0	0
1.1	8A	Nguyễn Thị Mùi	36	6	16.67	16	44.44	13	36.11	1	2.78	0	0	35	97.22	0	0	35	97.22	1	2.78	0	0	0	0	36	100	0	0
1.2	8B	Nguyễn Thị Nhung	35	8	22.86	14	40	11	31.43	2	5.71	0	0	33	94.29	0	0	33	94.29	2	5.71	0	0	0	0	35	100	0	0
2	Khối 9		67	12	17.91	22	32.84	29	43.28	4	5.97	0	0	63	94.03	0	0	54	80.6	13	19.4	0	0	0	0	67	100	0	0
2.1	9A	Nguyễn Thị Phương	35	9	25.71	10	28.57	13	37.14	3	8.57	0	0	32	91.43	0	0	31	88.57	4	11.43	0	0	0	0	35	100	0	0
2.2	9B	Vũ Thị Yên	32	3	9.38	12	37.5	16	50	1	3.13	0	0	31	96.88	0	0	23	71.88	9	28.13	0	0	0	0	32	100	0	0

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần

THÔNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC - HẠNH KIỂM HỌC SINH NỮ
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2022 - 2023

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học Lực														Hạnh Kiểm													
				Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Chưa đánh giá		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Chưa đánh giá			
Toàn trường			62	17	27.42	25	40.32	20	32.26	0	0	0	0	62	100	0	0	60	96.77	2	3.23	0	0	0	0	62	100	0	0		
1	Khối 8		36	10	27.78	15	41.67	11	30.56	0	0	0	0	36	100	0	0	36	100	0	0	0	0	0	0	36	100	0	0		
1.1	8A	Nguyễn Thị Mùi	17	4	23.53	9	52.94	4	23.53	0	0	0	0	17	100	0	0	17	100	0	0	0	0	0	0	17	100	0	0		
1.2	8B	Nguyễn Thị Nhung	19	6	31.58	6	31.58	7	36.84	0	0	0	0	19	100	0	0	19	100	0	0	0	0	0	0	19	100	0	0		
2	Khối 9		26	7	26.92	10	38.46	9	34.62	0	0	0	0	26	100	0	0	24	92.31	2	7.69	0	0	0	0	26	100	0	0		
2.1	9A	Nguyễn Thị Phương	13	6	46.15	3	23.08	4	30.77	0	0	0	0	13	100	0	0	13	100	0	0	0	0	0	0	13	100	0	0		
2.2	9B	Vũ Thị Yên	13	1	7.69	7	53.85	5	38.46	0	0	0	0	13	100	0	0	11	84.62	2	15.38	0	0	0	0	13	100	0	0		

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần

THỐNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC - HẠNH KIỂM HỌC SINH DÂN TỘC
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2022 - 2023

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học Lực														Hạnh Kiểm													
				Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Chưa đánh giá		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Chưa đánh giá			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Toàn trường			2	1	50	0	0	1	50	0	0	0	0	2	100	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	2	100	0	0		
1	Khối 8		2	1	50	0	0	1	50	0	0	0	0	2	100	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	2	100	0	0		
1.1	8A	Nguyễn Thị Mùi	1	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0		
1.2	8B	Nguyễn Thị Nhung	1	0	0	0	0	1	100	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0		
2	Khối 9		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
2.1	9A	Nguyễn Thị Phương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
2.2	9B	Vũ Thị Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần

THỐNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC - HẠNH KIỂM HỌC SINH NỮ DÂN TỘC
HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2022 - 2023

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học Lực														Hạnh Kiểm												
				Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Chưa đánh giá		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Chưa đánh giá		
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Toàn trường			1	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0
1	Khối 8		1	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	
1.1	8A	Nguyễn Thị Mùi	1	1	100	0	0	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	1	100	0	0	0	0	0	0	1	100	0	0	
1.2	8B	Nguyễn Thị Nhung	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Khối 9		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.1	9A	Nguyễn Thị Phương	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2.2	9B	Vũ Thị Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần